

VAI TRÒ CỦA KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN VÀ GỢI Ý VỀ THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG BỐI CẢNH MỚI

● **ĐẶNG QUANG TÀI**

TÓM TẮT:

Kinh tế tư nhân là một bộ phận của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế tư nhân ở nước ta ngày càng có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Đồng hành với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước qua nhiều thời kỳ, kinh tế tư nhân đã phát triển không ngừng cả về quy mô và chất lượng, được khẳng định là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế. Bài viết này phân tích về vai trò của khu vực kinh tế tư nhân, một số vấn đề về thể chế phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay và đề xuất một số giải pháp về thể chế để kinh tế tư nhân phát triển bền vững.

Từ khóa: kinh tế tư nhân, thể chế, bối cảnh mới.

1. Vai trò của kinh tế tư nhân hiện nay ở Việt Nam

Trải qua hơn 35 năm đổi mới, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết ghi nhận và khẳng định vai trò và vị trí của kinh tế tư nhân (KTTN) trong nền kinh tế. Trong đó, xác định phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Thể chế hóa các chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chương trình, cải thiện môi trường kinh doanh, loại bỏ những định kiến đối với KTTN. Theo đó, khu vực KTTN đã phát triển mạnh mẽ. Nhiều chủ thể KTTN, đặc biệt các tập đoàn KTTN đã góp phần làm thay đổi diện mạo đất nước, tạo dấu ấn, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế; hình thành nhiều thương hiệu có tính cạnh tranh khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, khu

vực KTTN lớn về số lượng, nhưng chất lượng còn hạn chế. Xét về khía cạnh phát triển bền vững, vẫn còn khá nhiều vấn đề đặt ra, nhất là vấn đề liên quan đến trách nhiệm xã hội và môi trường. Hơn nữa, trước những bất định mang tính toàn cầu, khả năng thích ứng linh hoạt của nhiều chủ thể KTTN cũng khá hạn chế. Công cuộc đổi mới tạo ra một bước ngoặt lịch sử phát triển cho nền kinh tế Việt Nam, từ đó đề ra nhiều chủ trương, chính sách, tiền đề quan trọng phát triển KTTN và doanh nhân Việt Nam. Nhờ đổi mới tư duy, từ một vị thế thấp kém, bị trói buộc, lực lượng KTTN đã đưa nền kinh tế Việt Nam thoát khỏi bờ vực khủng hoảng, đặt nó vào quỹ đạo phát triển mới, với thị trường mở cửa, hội nhập và cạnh tranh quốc tế.

Đây là nhiệm vụ lịch sử khẳng định vai trò tích

cực và vị thế quan trọng hàng đầu của KTTN trong nền kinh tế Việt Nam hiện đại ngay tại điểm khởi đầu nó được chính thức thừa nhận. Trong nhiều năm tiếp theo, khu vực KTTN đã khẳng định là lực lượng nền tảng của mọi nền kinh tế thị trường, tiếp tục phát triển và đóng góp to lớn vào tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Đến nay, KTTN ở nước ta đã có bước phát triển mạnh mẽ.

Trong giai đoạn 2010-2017, trung bình mỗi năm có hơn 100 nghìn doanh nghiệp được thành lập mới, đến giai đoạn 2018-2022, mỗi năm có hơn 130 nghìn doanh nghiệp được thành lập mới. Tương ứng với đó, số vốn đăng ký hằng năm đạt hàng triệu tỷ đồng, riêng giai đoạn 2018-2022, KTTN đóng góp trung bình 2 triệu tỷ đồng/mỗi năm vốn đăng ký mới cho nền kinh tế.

Với khoảng 800 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, KTTN đang đóng góp gần 45% vào GDP cả nước, 1/3 thu ngân sách nhà nước, hơn 40% vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội, tạo ra công ăn việc làm cho 85% số lao động cả nước.

Bên cạnh đó, KTTN đóng vai trò quan trọng trong hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam khi chiếm tới 35% tổng kim ngạch nhập khẩu và 25% tổng kim ngạch xuất khẩu. Nguồn vốn từ khu vực KTTN đóng góp lớn cho phát triển kinh tế - xã hội, tăng từ 51,3% năm 2016 lên đến 59,5% năm 2021.

Giai đoạn trong và sau đại dịch Covid-19, một số doanh nghiệp tư nhân có tiềm lực đã đóng vai trò trụ cột, góp sức gánh vác những trọng trách lớn cho đất nước, đồng thời tạo “đòn bẩy” để đưa kinh tế nhanh chóng phục hồi, bứt phá và đang từng bước kinh doanh đa ngành để trở thành những doanh nghiệp quan trọng trong nền kinh tế. Đội ngũ doanh nhân nước ta ngày càng lớn mạnh với khoảng 7 triệu người, với tinh thần kinh doanh, đổi mới và khát vọng vươn lên mạnh mẽ, thể hiện trách nhiệm xã hội, đạo đức, văn hóa ngày càng lan tỏa sâu rộng,...

Điều này đã cho thấy vai trò, vị trí và sự lớn mạnh của nguồn lực KTTN đang ngày càng được khẳng định, đặc biệt, trong việc góp phần thực hiện

mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm thay đổi “diện mạo” đất nước, tạo dấu ấn, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong số 800 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, số doanh nghiệp lớn (chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước) chỉ chiếm khoảng 2%, doanh nghiệp vừa chiếm 2%, còn lại 96% là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, với đa số vẫn là kinh tế hộ kinh doanh (chiếm 94%).

Do đó, trình độ công nghệ, quản trị, năng lực tài chính, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của số doanh nghiệp này còn thấp, cơ cấu ngành nghề bất hợp lý, thiếu liên kết với nhau và với các thành phần kinh tế khác. Khu vực KTTN dù lớn về số lượng nhưng chất lượng còn hạn chế. Xét về khía cạnh phát triển bền vững, vẫn còn khá nhiều vấn đề đặt ra, nhất là vấn đề liên quan đến trách nhiệm xã hội và môi trường.

2. Một số vấn đề về thể chế phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay

Một là, sự phối hợp giữa các cơ quan chính phủ trong hoạt động hỗ trợ phát triển khu vực tư nhân còn thiếu chặt chẽ. Vai trò của Chính phủ liên quan đến phát triển khu vực tư nhân được phân chia cho nhiều cơ quan Chính phủ. Nhiều đối tác phát triển đã và đang tích cực tham gia hỗ trợ khu vực tư nhân ở Việt Nam. Có nhiều bộ, ngành có vai trò và trách nhiệm liên quan đến sự phát triển của khu vực tư nhân. Tuy nhiên, còn nhiều việc phải làm nhằm cải thiện việc phối hợp trong xây dựng và thực hiện chính sách giữa các Bộ, ngành. Nhiều Bộ không có bộ phận phụ trách về phát triển doanh nghiệp hoặc khu vực kinh tế tư tư nhân, hoặc các nhiệm vụ về phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp và khu vực tư nhân chưa được coi là một trong những nhiệm vụ chính của mình, ví dụ như Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông. Tuy nhiên, các Bộ này lại đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển doanh nghiệp và phát triển khu vực tư nhân, ví dụ thông qua chính sách lao động, chương trình giáo dục và đào tạo, chính sách sở hữu trí tuệ, đổi mới, sáng tạo... Do đó, phát triển doanh nghiệp và khu vực tư nhân cũng

cần phải trở thành nhiệm vụ chính thức và ưu tiên của các Bộ này.

Hai là, các chính sách và chương trình phát triển khu vực tư nhân thiếu tính đồng bộ và liên kết. Phát triển KTTN liên quan tới nhiều ngành, nội dung và các chương trình hỗ trợ, do vậy thường được thực hiện bởi nhiều cơ quan chính phủ khác nhau. Những hạn chế hiểu biết về nhu cầu của doanh nghiệp dẫn đến tình trạng các sáng kiến và chương trình hỗ trợ được thiết kế chưa hợp lý, ảnh hưởng tới chất lượng và hiệu quả của quá trình triển khai. Nhiều DNNVV nắm được thông tin về các chương trình hỗ trợ kinh doanh hiện đang được triển khai thực hiện và cách thức để tham gia chương trình. Mặc dù được thiết kế với ý định và mục tiêu tốt, nhiều chương trình hỗ trợ phát triển khu vực tư nhân (PSD) gặp nhiều hạn chế về cách thức triển khai, vẫn theo lối mòn truyền thống, sự phối hợp và triển khai kém hiệu quả. Điều này dẫn đến tình trạng có nhiều chính sách và chương trình, song tính liên kết, bổ trợ và phối kết hợp giữa các chương trình còn hạn chế và kém hiệu quả.

Ba là, các hiệp hội doanh nghiệp còn hoạt động chưa hiệu quả và trong một số trường hợp chưa đại diện đầy đủ cho các hội viên hoặc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực mà mình đại diện. Cần thúc đẩy sự tương tác mạnh mẽ hơn giữa Chính phủ và khu vực tư nhân thông qua các hoạt động nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp và các tổ chức tư vấn chính sách, cũng như tăng cường các hoạt động đối thoại công tư. Các hiệp hội doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề, lĩnh vực kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, hỗ trợ đắc lực cho việc phát triển kinh tế năng động và bền vững. Một số hiệp hội Việt Nam gần đây đã trưởng thành hơn và bắt đầu đóng vai trò quan trọng trong việc đại diện cho quyền lợi của các thành viên trong các bối cảnh trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, hầu hết các hiệp hội vẫn thiếu năng lực và kỹ năng cần thiết để thu hút sự tham gia của các thành viên, đặc biệt trong phát triển chiến lược và tiêu chuẩn ngành, cung cấp dịch vụ cho các thành viên, và trong công

tác vận động, tư vấn chính sách 32. Các doanh nghiệp lớn thường có điều kiện dễ dàng hơn để tạo ảnh hưởng và bày tỏ tiếng nói của mình. Các doanh nghiệp nhỏ cần hiệp hội doanh nghiệp để gây ảnh hưởng và bày tỏ tiếng nói và các quan tâm của mình. Tuy nhiên, chủ sở hữu của các doanh nghiệp thường không có ảnh hưởng, nguồn lực và thời gian để vận động và tổ chức các nỗ lực mang tính tập thể. Họ thường không được coi trọng đúng mức do những định kiến mang tính thiên vị của các công chức nhà nước. Một số diễn đàn đối thoại giữa chính quyền và doanh nghiệp trong thời gian vừa qua cho thấy sự chi phối khá rõ nét bởi các doanh nghiệp lớn. Các doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh, mặc dù chiếm hơn 30% GDP, được coi là nằm trong khu vực phi chính thức và chưa có một tổ chức hiệp hội thực sự để đại diện cho lợi ích của họ và để hỗ trợ hiệu quả cho quá trình hoạt động và quá trình chính thức hóa của khu vực này.

Bốn là, các cam kết chính trị về hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ là mạnh mẽ nhưng những hành động và hỗ trợ cụ thể vẫn đang trong quá trình thiết kế, xây dựng. Các chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn đầu của việc lồng ghép các nguyên tắc bình đẳng giới vào các quy định và văn bản quy phạm pháp luật. Luật Hỗ trợ DNNVV được ban hành vào năm 2017 đã đưa các quy định về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và khẳng định các chính sách nhằm hỗ trợ đối với các doanh nghiệp này. Đây là một sự phát triển đáng khích lệ. Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ vẫn chưa được cụ thể hóa thành các kế hoạch hành động hoặc biện pháp thực hiện với ngân sách cụ thể để triển khai.

Năm là, sự hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế, các đối tác phát triển cho hoạt động phát triển khu vực tư nhân đang giảm dần. Các nhà tài trợ và đối tác phát triển tích cực trong phát triển khu vực tư nhân bao gồm AFD, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Chính phủ Úc, EU, Chính phủ Phần Lan, DFID, GIZ, JICA, ILO, Ngân hàng Thế giới, IMF, IFC, UNDP, UNIDO, USAID,... Các nhà tài trợ và đối

tác phát triển đã và đang tích cực đóng góp cho sự phát triển của khu vực tư nhân ở Việt Nam. Sự hợp tác giữa các nhà tài trợ và với các cơ quan chính phủ trong phát triển khu vực tư nhân được đánh giá là mạnh mẽ và hiệu quả. Việt Nam đã được xếp vào nhóm các quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp nên các đóng góp của các nhà tài trợ và đối tác phát triển cho phát triển khu vực tư nhân đã suy giảm so với cách đây một thập kỷ.

Sáu là, thế giới đang đứng trước tình trạng suy thoái, lạm phát và tỷ giá tăng hầu hết các đồng tiền so với USD. Lạm phát của một số nền kinh tế lớn đang có xu hướng gia tăng, gây tác động tiêu cực đến các vấn đề kinh tế thế giới. Việc thắt chặt chính sách tiền tệ sẽ khiến tăng trưởng kinh tế toàn cầu đứng trước nguy cơ suy giảm. Thế giới đang đối mặt với một cuộc suy thoái mới.

Thế giới đang hội nhập và chia tách đan xen: một mặt, các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, kết nối khu vực được đẩy mạnh; mặt khác, xu thế chia tách cũng đang xuất hiện, điển hình nhất là việc Anh rời khỏi Liên minh châu Âu (Brexit), xung đột Nga - Ucraina. Nga bị cấm vận và thế giới bị chia tách, các nước châu Âu gặp khó khăn về năng lượng và nhiều hệ lụy khác.

Đồng thời, thế giới đang trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với nhiều cơ hội và thách thức. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra nhiều cơ hội, như không gian kinh tế mới, công nghệ mới, sản phẩm mới; thế giới sẽ được mở rộng hơn đi liền với liên kết mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng tạo ra các thách thức, như nguy cơ tiềm tàng về dịch chuyển vốn, về cạnh tranh giữa thế giới thực và thế giới ảo. Đặc biệt, cùng với việc điều chỉnh mục tiêu và chiến lược kinh doanh, một loạt doanh nghiệp công nghệ đang sa thải hàng nghìn lao động.

Bên cạnh đó, xuất hiện các nguy cơ an ninh phi truyền thống và biến đổi khí hậu mạnh mẽ. Các mối nguy cơ an ninh phi truyền thống, như đại dịch Covid-19 chưa có tiền lệ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chuỗi sản xuất và chuỗi cung ứng do việc tiến hành giãn cách. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu

diễn ra nhanh hơn, mạnh hơn so với dự báo cũng đem lại những tác động không nhỏ về nước biển dâng, ngập mặn, hạn hán, lũ lụt, sóng thần,... đối với các quốc gia.

3. Một số gợi ý về giải pháp thể chế

KTTN Việt Nam có những dấu mốc phát triển rất quan trọng và đạt được kết quả đáng ghi nhận. KTTN phát triển về quy mô, hiệu quả hoạt động, số lượng và có đóng góp cho nền kinh tế như: GDP, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, thu nội địa. KTTN tạo việc làm, thu nhập cho người lao động. Bên cạnh đó, KTTN có những đóng góp tích cực vào hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ đảm bảo an sinh xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ đồng thời trách nhiệm xã hội về môi trường được doanh nghiệp khu vực KTTN quan tâm. Đặc biệt, nền KTTN đã có khả năng thích ứng linh hoạt trước các bất định như dịch Covid-19, trước hội nhập quốc tế và trước những yêu cầu mới.

Để KTTN phát triển bền vững, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút đầu tư tư nhân, thúc đẩy các chủ thể KTTN hình thành và phát triển; hoàn thiện thể chế, thúc đẩy “chính thức hóa” hộ kinh doanh để phát triển bền vững; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy KTTN phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và môi trường; tiếp tục đổi mới tư duy điều hành, cải cách giúp khu vực tư nhân vượt qua các bất định; tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển KTTN thích ứng và tận dụng được các cơ hội từ hội nhập quốc tế; cải cách thể chế phát triển KTTN gắn với CMCN 4.0 và kinh tế số; đổi mới quản lý nhà nước, nâng cao hiệu lực quản lý đối với khu vực KTTN.

Một là, đổi mới nhận thức về vai trò, vị trí của KTTN... Thống nhất nhận thức, tư tưởng về vai trò của KTTN trong nền kinh tế cần hướng đến vị trí động lực quan trọng hàng đầu đối với nền kinh tế quốc dân. Cần nhận thức thống nhất trong hệ thống chính trị - xã hội về vai trò động lực của KTTN, từ đó, tạo mọi điều kiện phát triển KTTN, phát huy thế mạnh và tiềm năng của KTTN.

Hai là, bổ sung, hoàn thiện khung pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển KTTN nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật liên quan đến phát triển KTTN; triển khai đồng bộ và có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển KTTN đã đặt ra. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phát triển đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, có tư tưởng chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, quyết liệt phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Ba là, cần cải cách thủ tục hành chính đạt mục tiêu 3 giảm (giảm thời gian, giảm chi phí, giảm giấy tờ). Hỗ trợ phát triển KTTN bằng cách triển khai quyết liệt và có hiệu quả các giải pháp nhằm giảm chi phí đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh; có cơ chế, chính sách tạo điều kiện để KTTN tích cực tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Bảo đảm các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển KTTN phù hợp với cơ chế thị trường; không vi phạm các cam kết quốc tế, không vi phạm các nguyên tắc thị trường; thúc đẩy tính tự chủ, cạnh tranh của KTTN. Bổ sung, hoàn thiện và triển khai có hiệu quả các quy định, chính sách liên quan đến hỗ trợ KTTN, đặc biệt là các quy định về hỗ trợ DN nhỏ và vừa.

Bốn là, phát huy vai trò của DN khu vực tư nhân, tôn vinh những DN khu vực tư nhân với mô hình đổi mới, sáng tạo, sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Chủ trương phát triển KTTN gắn liền với quá trình chuyển đổi nền kinh tế đã tạo dư địa, không gian và cơ hội kinh doanh cho khu vực KTTN đầu tư nâng cao năng lực. Kinh tế Việt Nam được thế giới biết đến cùng với một số tập đoàn tư nhân.

Năm là, đẩy mạnh phát triển KTTN tại địa phương. Các đơn vị KTTN phải thực sự nỗ lực vận động, cập nhật và nắm vững các quy định hiện hành của Nhà nước để tuân thủ và hoạt động đúng pháp luật trong quá trình sản xuất, kinh doanh; chủ động tìm kiếm đối tác, liên kết để nâng cao sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao trách nhiệm của các sở, ngành trong việc tổ chức thực hiện và cụ thể hóa các chủ trương, chính sách về phát triển KTTN; tăng cường kỷ luật Đảng, kỷ cương của Nhà nước trong triển khai thực hiện đường lối, pháp luật, chính sách đối với KTTN. Tăng cường công tác xây dựng Đảng trong khu vực KTTN, nhất là các DN. Cần chủ động và kịp thời tôn vinh, khen thưởng các DN, đơn vị KTTN tiêu biểu, hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao, chấp hành tốt quy định của pháp luật và có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội...

Sáu là, đối với đầu tư nói chung và đầu tư tư nhân nói riêng, cần quán triệt chủ trương nguồn lực bên ngoài là quan trọng, nguồn lực trong nước là quyết định. Thực sự coi nguồn lực từ khu vực tư nhân là một động lực cho phát triển; đồng thời, cần xác định rõ công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh là nền tảng quan trọng để khuyến khích sự phát triển, đầu tư của khu vực KTTN. Việc thu hút FDI cần gắn liền với việc thu hút các DN sản xuất, phân phối đầu đàn để thu hút, hấp thụ khu vực tư nhân trong nước. Phát huy vai trò định hướng của đầu tư nhà nước để thu hút nguồn vốn đầu tư của xã hội, trong đó có tư nhân trong nước. Coi nguồn đầu tư nhà nước là nguồn vốn “mồi” để thu hút các nguồn lực xã hội, đầu tư của khu vực tư nhân vào nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế, đặc biệt là hệ thống giao thông ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quỹ Châu Á và VCCI, (2015). Báo cáo “Hành trình hướng tới sự liên kết: Thực tiễn tốt trong hoạt động và bộ công cụ đánh giá năng lực hoạt động của Hiệp hội Doanh nghiệp Việt Nam”.

2. Minh Hương (2021). Kinh tế tư nhân - Động lực tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Truy cập tại https://mof.gov.vn/webcenter/portal/tttc/pages_r/l/chi-tiet-tin-tin-tuc-tai-chinh?dDocName=MOFUCM217082
3. Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty năm 1990; Luật Doanh nghiệp các năm 1999, 2004, 2014 và 2020; Luật Đầu tư các năm 2004, 2014, 2020; Luật Cạnh tranh; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Quy hoạch; Luật Đầu tư công; Luật Đấu thầu; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa,...
4. Nguyễn Phú Trọng (2022). Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr 26.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. I, tr. 130, 240.
6. Tổng cục Thống kê (2022). Niên giám thống kê năm 2021. Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2022, tr. 194, 206.

Ngày nhận bài: 10/7/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/7/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/8/2023

Thông tin tác giả:

ĐẶNG QUANG TÀI

NCS ngành Quản lý kinh tế, Trường Đại học Vinh

THE ROLE OF THE PRIVATE ECONOMY AND RECOMMENDATIONS ABOUT INSTITUTIONS FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT OF THE PRIVATE ECONOMY

● **DANG QUANG TAI**

Master's student in Economic Management
Vinh University

ABSTRACT:

The private economy is a part of the socialist-oriented market economy. The private economy in Vietnam is growing and significantly contributing to national socio-economic development. Accompanying the country's development over many periods, the private economy has continuously developed in both scale and quality and has affirmed its role as an important driving force in the national economy. This study analyzes the role of the private economic sector, some institutional issues of private economic development in Vietnam, and proposes some institutional solutions for the sustainable development of the private economy.

Keywords: private economy, institutions, new context.